

Số: **W** /2015/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **05** tháng **10** năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 201/TTr-STP ngày 10 tháng 8 năm 2015;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hỗ trợ Tư pháp (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, KNNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Cao**

**QUY ĐỊNH**

**Mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **HH** /2015/QĐ-UBND ngày **05/10/2015**  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực và thù lao dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức hành nghề công chứng.
2. Phòng Tư pháp các huyện, thị xã và thành phố Huế (sau đây gọi chung là Phòng Tư pháp).
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
4. Cộng tác viên dịch thuật của các tổ chức hành nghề công chứng và Phòng Tư pháp.
5. Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch; đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng, chứng thực.

**Điều 3. Mức trần thù lao công chứng**

1. Thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch:

STT	Nội dung công việc	Mức thu tối đa (Đã bao gồm tiền công đánh máy và in ấn) Đơn vị: Đồng/văn bản
1	Giấy ủy quyền; Văn bản từ chối nhận di sản	50.000
2	Nhóm hợp đồng, giao dịch về động sản; Di chúc; Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng giao dịch; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch	100.000
3	Nhóm hợp đồng, giao dịch về bất động sản	150.000



4	Hợp đồng kinh tế thương mại, đầu tư, kinh doanh; Thỏa thuận chia tài sản chung, nhập tài sản riêng, xác lập chế độ tài sản của vợ, chồng	200.000
5	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản; Văn bản khai nhận di sản	250.000
6	Các loại hợp đồng, giao dịch khác	100.000

2. Thủ lao các việc khác liên quan đến việc công chứng:

STT	Nội dung công việc	Mức thu tối đa
1	Niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản (01 di sản)	200.000 đồng/hồ sơ
	Trường hợp có từ 02 di sản trở lên, thu thêm	100.000 đồng/di sản
2	Công bố di chúc	150.000 đồng/trường hợp

3. Thủ lao đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản:

STT	Nội dung công việc	Mức thu tối đa <i>Đơn vị tính: Đồng/trang</i>
1	Đánh máy (trang A4) và in ấn	5.000
2	Sao chụp văn bản (trang A4)	500
3	Sao chụp văn bản (trang A3)	2.000

**Điều 4. Mức trần chi phí chứng thực**

Mức trần chi phí chứng thực áp dụng tại các Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

**Điều 5. Mức trần thù lao dịch thuật**

1. Thủ lao dịch thuật:

STT	Tiếng nước ngoài	Mức thu tối đa (Đồng/trang) (Đã bao gồm tiền công đánh máy và in ấn)		
		Văn bản có mẫu	Văn bản thông thường	Văn bản chuyên ngành
<b>I</b>	<b>Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt</b>			
1	Anh, Pháp	45.000	60.000	80.000
2	Đức, Trung, Nga, Nhật	55.000	70.000	90.000



3	Các thứ tiếng còn lại	65.000	80.000	100.000
<b>II</b>	<b>Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài</b>			
1	Anh, Pháp	50.000	70.000	100.000
2	Đức, Trung, Nga, Nhật	60.000	80.000	110.000
3	Các thứ tiếng còn lại	70.000	90.000	120.000

2. Đơn vị tính thu thù lao dịch thuật là trang dịch khổ A4 (210x 297mm), bình quân mỗi trang có 30-35 dòng với mật độ từ ngữ là 350-400 từ. Riêng đối với giấy tờ, văn bản có mẫu thì có thể thực hiện theo mẫu của văn bản gốc.

3. Chi tiết các loại văn bản nêu tại khoản 1 Điều này:

a) Văn bản có mẫu là các loại chứng thư hành chính thông dụng như: chứng minh nhân dân, khai sinh, khai tử, kết hôn, hộ khẩu, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, lý lịch tư pháp, sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe; bằng tốt nghiệp, chứng chỉ các loại, học bạ; giấy khen, bằng khen; bản tuyên thệ độc thân, công hàm không cản trở về hôn nhân.

b) Văn bản thông thường là các loại giấy tờ, văn bản mà nội dung có tính chất ít phức tạp (từ ngữ trong văn bản có tính thông dụng hàng ngày); các loại chứng thư hành chính có mẫu nhưng ít thông dụng như: bằng điểm các loại, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký kiểm định và các loại giấy chứng nhận có hình thức tương tự.

c) Văn bản chuyên ngành là các loại giấy tờ, văn bản mà nội dung có tính chất phức tạp (từ ngữ trong văn bản có tính chuyên ngành, kỹ thuật) như: hợp đồng kinh tế, dân sự, lao động; văn bản công chứng; bản án, quyết định của tòa án; các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, công nghiệp và các loại văn bản có tính chất tương tự.

4. Trường hợp người yêu cầu dịch thuật nhận từ 02 bản dịch trở lên (không kể bản lưu) thì từ bản thứ 02 trở đi được thu thêm mỗi bản tối đa bằng 10% tiền thù lao dịch thuật.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

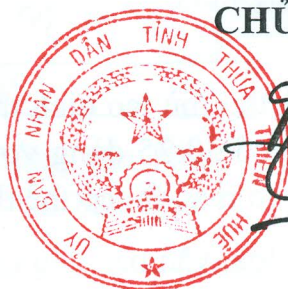
1. Căn cứ mức trần thù lao công chứng quy định tại Quy định này, các tổ chức hành nghề công chứng xây dựng mức thu thù lao công chứng áp dụng tại đơn vị mình nhưng không vượt quá mức trần thù lao công chứng quy định tại Quy định này.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân

dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở đơn vị về nội dung thu, mức thu thù lao công chứng, chi phí chứng thực theo quy định.

3. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Cao**